ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

VÀ CÔNG TY CON

25 PASTEUR, P.NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN I, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III

NĂM 2018

CTY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST VÀ CÔNG TY CON
25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Tel : 08.9142671

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

QUÝ III/2013

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	số quý này (năm nay)	số quý này (năm trước)	số luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	số luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
1	2			4	4
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	1	16,609,947,996	24,260,763,350	60,836,325,444	65,595,461,490
1. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp DV	10	16,609,947,996	24,260,763,350	60,836,325,444	65,595,461,490
2. Giá vốn hàng bán	11	15,041,356,977	21,843,417,418	56,324,161,134	58,900,021,738
3. Lợi nhuận gộp về hàng bán & cung cấp DV	20	1,568,591,019	2,417,345,932	4,512,164,310	6,695,439,752
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	77,094,701	218,542,910	475,362,211	1,201,128,343
5. Chi phí tài chính	22	274,793,112	348,002,000	939,014,412	1,199,526,774
Trong đó: lãi vay phải trả	*23*	*273,360,612*	*340,775,000*	*929,610,612*	*1,185,958,561*
6. Chi phí bán hàng	24	77,578,073	87,259,638	136,327,528	450,347,024
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,526,216,092	3,219,603,454	7,254,460,760	11,938,482,284
8. Lợi tức thuần từ hoạt động KD	30	(1,232,901,557)	(1,018,976,250)	(3,342,276,179)	(5,691,787,987)
9. Thu nhập khác	31	369,308,718	1,217,599,156	1,319,521,153	5,000,058,817
10. Chi phí khác	32	152,714,216	43,060,899	798,116,676	200,651,293
11. Lợi nhuận khác	40	216,594,502	1,174,538,257	521,404,477	4,799,407,524
12. Tổng lợi tức trước thuế	50	(1,016,307,055)	155,562,007	(2,820,871,702)	(892,380,463)

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	số quý này (năm nay)	số quý này (năm trước)	số luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	số luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
13.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		0	53,198,894		63,036,585
13.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	51	0	0	(8,433,512)	(455,190,025)
14. Lợi nhuận sau thuế	60	(1,016,307,055)	102,363,113	(2,812,438,190)	(500,227,023)

Thuế thu nhập DN được miễn giảm theo CV số 227/CT-TTHT, V/v miễn giảm thuế TNDN của Tổng Cục Thuế, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Kế toán Trưởng

HUỲNH THANH DIỄM TRANG

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

ĐỖ HỮU DANH

CTY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST VÀ CÔNG TY CON
25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Tel : 08.9142671

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2013

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+	100		38,623,036,622	45,709,248,875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	*110*		*3,325,043,801*	*9,782,714,864*
1. Tiền	111	I.1	3,325,043,801	9,282,714,864
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	*120*		0	*0*
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạ	129		0	
III. Các khoản phải thu	*130*	*0*	29,881,124,129	*30,226,425,347*
1. Phải thu của khách hàng	131		18,281,382,269	18,688,765,513
2. Trả trước cho người bán	132		3,378,299,252	3,111,751,602
3. Phải thu nội bộ	133		0	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dự	134		0	
5. Các khoản phải thu khác	138	I.3	20,010,535,292	20,215,000,916
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(11,789,092,684)	(11,789,092,684)
IV. Hàng tồn kho	140		540,391,816	515,890,313
1. Hàng hóa tồn kho	141	I.3	635,677,638	611,176,135
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95,285,822)	(95,285,822)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,876,476,876	5,184,218,351
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	I.4	1,737,654,488	455,307,241
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46,412,312	45,099,144
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	I.5	319,794,092	161,399,252
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	I.6	2,772,615,984	4,522,412,714
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+26	200		54,340,664,550	56,648,391,233

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
I. Các khoản phải thu dài hạn	*210*		0	*0*
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	*220*		**45,277,668,779**	*48,680,971,198*
1. Tài sản cố định hữu hình	221	I.8	30,838,123,326	34,719,062,108
- Nguyên giá	222		54,906,280,805	56,154,139,859
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24,068,157,479)	(21,435,077,751)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		13,750,000,000	13,750,000,000
- Nguyên giá	228		13,750,000,000	13,750,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		689,545,453	211,909,090
III. Bất động sản đầu tư	**240**		0	0
- Nguyên giá	241		0	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	I.7	**5,257,163,112**	**5,257,163,112**
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11,053,163,112	11,053,163,112
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5,796,000,000)	(5,796,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**3,805,832,659**	**2,710,256,923**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		453,405,190	751,097,900
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		678,602,395	674,583,949
3. Tài sản dài hạn khác	268	I.9	2,673,825,074	1,284,575,074
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		**92,963,701,172**	**102,357,640,108**

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
NGUỒN VỐN			0	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		26,316,539,222	32,898,039,968
I. Nợ ngắn hạn	310		17,762,805,299	24,413,856,184
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1,625,000,000	2,491,513,040
2. Phải trả người bán	312		1,899,374,587	96,069,024
3. Người mua trả tiền trước	313		965,325,909	4,484,290,959
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	I.10	465,074,145	1,335,596,521
5. Phải trả người lao động	315		1,066,140,849	1,425,988,433
6. Chi phí phải trả	316	I.11	3,740,710,054	3,316,308,728
7. Phải trả nội bộ	317		0	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dự	318		0	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	I.12	8,001,179,755	11,264,089,479
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		0	
II. Nợ dài hạn	330		8,553,733,923	8,484,183,784
1. Phải trả dài hạn ngườI bán	331		0	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	
3. Phải trả dài hạn khác	333	I.13	1,963,999,350	1,443,699,350
4. Vay và nợ dài hạn	334		6,508,486,960	6,508,486,960
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		81,247,613	531,997,474
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	I.14	66,647,161,950	69,459,600,140
I. Vốn chủ sở hữu	410		66,647,161,950	69,459,600,140
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,052,178,753	2,052,178,753
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		0	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(15,405,016,803)	(12,592,578,613)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		92,963,701,172	102,357,640,108

Kế toán Trưởng

HUỲNH THANH DIỄM TRANG

Tổng giám Đốc

DƯ HỮU DANH

CTY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST VÀ CÔNG TY CON
25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Tel : 08.9142671

BẢNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III/2013

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	MS	Luỹ kế Quý III/2013	Luỹ kế Quý III/2012
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2,820,871,702)	(892,380,463)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3,837,146,624	3,807,971,749
Các khoản dự phòng	03		(2,183,192,830)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(460,277,886)	
Chi phí lãi vay	06	929,610,612	1,185,958,561
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi V	**08**	**1,485,607,648**	**1,918,357,017**
Tăng giảm các khoản phải thu	09	3,892,314,063	(12,282,055,804)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	24,501,503	(518,415,732)
Tăng giảm các khoản phải trả	11	(8,906,790,114)	1,068,315,874
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(984,654,537)	1,365,231,361
Tiền lãi vay đã trả	13	(929,610,612)	(1,185,958,561)
Tiền thuế TNDN đã nộp	14	(246,928,956)	(100,000,000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	823,200,000	644,058,200
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(689,750,000)	(523,200,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	**20**	**(5,532,111,005)**	**(9,613,067,645)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(635,110,000)	(24,565,454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạ	22	796,868,186	21,363,636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị k	24		
5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25		
6. Tiền thu góp vốn vào các đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	475,362,211	1,201,128,343
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**637,120,397**	**1,197,926,525**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữ	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các Chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu c	32		

CHỈ TIÊU	MS	Luỹ kế Quý III/2013	Luỹ kế Quý III/2012
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1,562,680,455)	(2,250,354,981)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40	(1,562,680,455)	(2,250,354,981)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 +30 +40)	50	(6,457,671,063)	(10,665,496,101)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9,782,714,864	15,983,551,927
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 +60+61)	70	3,325,043,801	5,318,055,826

Tp.HCM, ngày 13 tháng 11 năm 2013

Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
HUỲNH THANH DIỄM TRANG	DƯ HỮU DANH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III/2013

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Tiền mặt	322,898,215	751,225,346
_Tiền gửi ngân hàng	3,002,145,586	8,531,489,518
_Các khoản tương đương tiền (*)		500,000,000
Cộng	**3,325,043,801**	**9,782,714,864**

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Phải thu khách hàng(*)	18,281,382,269	18,688,765,513
_Trả trước cho người bán	3,378,299,252	3,111,751,602
_Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (***)	(11,789,092,684)	(11,789,092,684)
_Các khoản phải thu khác (**)	20,010,535,292	20,215,000,916
Cộng	**29,881,124,129**	**30,226,425,347**

(*) Các khoản phải thu khách hàng chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_ Cty Điện Lực TNHH BOT Phú Mỹ 3	1,017,335,850	1,105,146,400
_ Công ty BP	101,417,670	201,135,000
_ Cty TNHH MTV TM DL Sài gòn	1,083,268,641	1,460,680,403
_Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	9,727,015,124	9,494,197,091
_Ngân hàng ANZ	99,550,000	87,640,000
_Cty CP VN Việt Nhật	278,036,475	368,098,475
_Cty TNHH XD TM Ngọc Linh	24,900,000	36,900,000
_Các khoản phải thu khách hàng khác	5,949,858,509	5,934,968,144
Cộng	**18,281,382,269**	**18,688,765,513**

(**) Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt	11,743,833,885	10,618,833,885
_Công ty CP KD và PTN An Nghiệp Phát	2,762,225,940	2,762,225,940
_Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	45,600,000	45,600,000
_Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa	370,000,000	370,000,000
_Công ty TNHH MTV TMDL Sài Gòn	966,185,001	221,871,201
_CN Công ty CP VC Sài Gòn Tourist tại HN	513,321,396	513,321,396
_BHXH, BHYT,BHTN phải thu của tài xế taxi	283,210,047	265,296,692
_ Pacific Airline về tiền vé máy bay	12,169,716	23,618,545
_ Doanh thu chưa thực hiện	81,247,613	531,997,474
_ Phải thu khác	3,232,741,694	4,862,235,783
Cộng	**20,010,535,292**	**20,215,000,916**

(***) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Công ty CP KD và PTN An Nghiệp Phát	1,381,112,970	1,381,112,970
_Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	8,340,639,838	8,340,639,838
_Cty XNK Việt Tiệp	1,600,615,657	1,600,615,657
_Cty CP VN Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
_Cty TNHH XD TM Ngọc Linh	36,900,000	36,900,000
_ Dự phòng các khoản phải thu của các Cty khác	151,787,744	151,787,744
Cộng	**11,789,092,684**	**11,789,092,684**

3. Hàng tồn kho :

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Nguyên liệu ,vật liệu	476,659,439	451,737,945
_Công cụ, dụng cụ	27,858,853	27,275,353
_Hàng hóa	131,159,346	132,162,837
Cộng	**635,677,638**	**611,176,135**
_Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95,285,822)	(95,285,822)
Cộng	**540,391,816**	**515,890,313**

4. Chi phí trả trước ngắn hạn:

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Công cụ ,dụng cụ xuất dùng	54,716,727	54,300,543
_Chi phí chờ kết chuyển	1,682,937,761	401,006,698
Cộng	**1,737,654,488**	**455,307,241**

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

8. Tài sản cố định hữu hình

Khỏan mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ,quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐHH						
Tại ngày 01/01/2013	1,383,565,206	525,359,051	53,774,242,925	470,972,677	-	56,154,139,859
_ Mua trong Năm	-		605,400,000	29,710,000	-	635,110,000
_Tăng Khác	-	-		-	-	0
_Thanh lý,nhượng bán	-	-	(796,868,186)	-	-	(796,868,186)
_ Giảm khác	(44,136,326)	(142,259,010)	(611,090,538)	(288,614,994)	-	(1,086,100,868)
Số dư cuối kỳ	**1,339,428,880**	**383,100,041**	**52,971,684,201**	**212,067,683**	**-**	**54,906,280,805**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	1,100,853,605	421,190,042	19,504,851,691	408,182,413	-	21,435,077,751
_ Khấu hao trong năm	6,425,261	8,802,059	3,793,619,893	28,299,411	-	3,837,146,624
_Thanh lý,nhượng bán	-	-	(182,430,200)	-	-	(182,430,200)
_Giảm khác	(44,136,326)	(134,721,291)	(611,090,538)	(231,688,541)	-	(1,021,636,696)
Số dư cuối kỳ	**1,063,142,540**	**295,270,810**	**22,504,950,846**	**204,793,283**	**-**	**24,068,157,479**
Giá trị còn lại của TSCĐHH						
Tại ngày đầu năm	**282,711,601**	**104,169,009**	**34,269,391,234**	**62,790,264**	**-**	**34,719,062,108**
Tại ngày cuối kỳ	**276,286,340**	**87,829,231**	**30,466,733,355**	**7,274,400**	**-**	**30,838,123,326**

5. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước:

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Thuế GTGT được khấu trừ	46,412,312	45,099,144
_Thuế thu nhập cá nhân	30,624,306	17,311,910
_Thuế thu nhập doanh nghiệp	289,169,786	144,087,342
Cộng	**366,206,404**	**206,498,396**

6. Tài sản ngắn hạn khác:

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Tạm ứng	1,914,029,919	2,676,599,314
_Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	858,586,065	1,845,813,400
Cộng	**2,772,615,984**	**4,522,412,714**

7. Đầu tư tài chính dài hạn:

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Đầu tư tài chính dài hạn khác	11,053,163,112	11,053,163,112
Cộng	**11,053,163,112**	**11,053,163,112**
_ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5,796,000,000)	(5,796,000,000)
Cộng	**5,257,163,112**	**5,257,163,112**

Khoản đầu tư dài hạn khác chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Công Ty CP Đầu Tư Giải Trí Phước Sang	2,177,147,112	2,177,147,112
_ Tập đoàn Radius	80,016,000	80,016,000
_ Công ty CP Ô Tô Vận Tải Vina Đông Dương	5,796,000,000	5,796,000,000
_ Công ty TNHH TM DL Huyền Trang	3,000,000,000	3,000,000,000
Cộng	**11,053,163,112**	**11,053,163,112**

9. Tài sản dài hạn khác :

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Ký quỹ xuất khẩu lao động	100,000	100,000
_Ký quỹ lữ hành quốc tế	250,000,000	250,000,000
_Ký quỹ lữ hành nội địa	51,353,274	51,353,274
_Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Nhất Việt	43,121,800	43,121,800
_Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Huy Hoàng Hà	372,000,000	372,000,000
_Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Trần Việt	70,000,000	
_Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500,000,000	500,000,000
_Ký quỹ tiền thuê mặt bằng - Cty CP May Nam Phú	317,250,000	
_Ký quỹ khác	1,070,000,000	68,000,000
Cộng	**2,673,825,074**	**1,284,575,074**

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Thuế GTGT	107,459,255	590,152,075
_Thuế Thu nhập doanh nghiệp	307,131,571	624,266,101
_Các loại thuế khác		2,834,546
_Thuế nhà đất và tiền thuê đất	50,483,319	118,343,799
Cộng	**465,074,145**	**1,335,596,521**

11. Chi phí phải trả :

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Chi phí thuê mặt bằng	666,236,760	1,297,840,000
_Chi phí đào tạo lái xe	377,954,854	136,047,950
_ Chi phí dịch vụ lữ hành	13,949,091	1,164,808,311
_ Chi phí của CN Hà Nội	463,591,781	463,591,781
_ Chi phí xe du lịch	200,864,403	
_ Chi phí lãi vay		26,250,000
_ Chi phí vé giữ xe	153,450,561	
_ Chi phí khác	1,864,662,604	227,770,686
Cộng	**3,740,710,054**	**3,316,308,728**

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Phải trả về cổ phần hóa		139,300,000
_ Cổ tức năm 2008 chưa chi	412,000,657	412,000,657
_ Cổ tức năm 2010 chưa chi	2,463,730,413	2,463,734,400
_ Cổ tức năm 2011 chưa chi	837,319,545	2,400,000,000
_ Phải trả Cục quản lý lao động ngoài nước	665,253,000	481,942,219
_ Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,622,876,140	5,367,112,203
Cộng	**8,001,179,755**	**11,264,089,479**

13. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
_Nhận ký quỹ của NH TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	58,900,000	58,900,000
_Nhậnký quỹ của Australian Trade Commiccion	19,500,000	19,500,000
_Nhận ký quỹ của VP Đại Diện CN Quảng Ninh	5,000,000	5,000,000
_Nhận ký quỹ của Cty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	150,000,000	150,000,000
_Nhận ký quỹ của lái xe du lịch và lái xe taxi	1,588,947,350	1,104,047,350
_Nhận ký quỹ dài hạn khác	141,652,000	106,252,000
Cộng	**1,963,999,350**	**1,443,699,350**

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP)

14.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	**80,000,000,000**		**2,052,178,753**		**(12,592,578,613)**	**69,459,600,140**
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	(2,812,438,190)	(2,812,438,190)
- Tăng khác	-	-	-	-		0
- Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-		-	-		0
Số dư cuối kỳ	**80,000,000,000**	-	**2,052,178,753**	-	**(15,405,016,803)**	**66,647,161,950**

14.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	23,284,940,000	23,284,940,000
Công ty TNHH Thép Vinh Da	12,158,740,000	12,158,740,000
Vốn góp của các đối tượng khác	44,556,320,000	44,556,320,000
	80,000,000,000	**80,000,000,000**

14.3 Cổ phần

	Tại 30/09/2013	Tại 01/01/2013
• Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8,000,000	8,000,000
• Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8,000,000	8,000,000
• Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại		
• Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8,000,000	8,000,000

• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VNĐ/Cổ phần

II.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III/2013 VND	Quý III/2012 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**16,609,947,996**	**24,260,763,350**
Trong đó:		
_ Doanh thu bán hàng		93,013,354
_ Doanh thu dịch vụ lữ hành	3,189,482,801	9,374,746,484
_ Doanh thu vận chuyển	8,296,599,329	9,679,243,437
_ Doanh thu dịch vụ bảo vệ	3,566,353,448	3,024,497,845
_ Doanh thu khác	1,557,512,418	2,089,262,230
Các khoản giảm trừ doanh thu	**0**	**0**
_ Chiết khấu thương mại		
_ Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**16,609,947,996**	**24,260,763,350**

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III/2013	Quý III/2012
	VND	VND
_ Giá vốn hàng hoá		67,644,235
_ Giá vốn dịch vụ lữ hành	3,198,328,110	8,405,882,953
_ Giá vốn dịch vụ vận chuyển	7,290,461,930	8,532,144,127
_ Giá vốn dịch vụ bảo vệ	2,800,884,831	2,872,741,659
_ Giá vốn dịch vụ khác	1,751,682,106	1,965,004,444
Cộng	**15,041,356,977**	**21,843,417,418**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III/2013	Quý III/2012
	VND	VND
_ Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41,427,322	212,491,488
_ Doanh thu hoạt động tài chính khác	35,667,379	6,051,422
Cộng	**77,094,701**	**218,542,910**

4. Chi phí tài chính

	Quý III/2013	Quý III/2012
	VND	VND
_Chi phí lãi vay	273,360,621	340,775,000
_Tiền lãi ký quỹ tài xế		7,227,000
_Chi phí hoạt dộng tài chính khác	1,432,491	
Cộng	**274,793,112**	**348,002,000**

5. Thu nhập khác

	Quý III/2013	Quý III/2012
	VND	VND
_ Thu tiền bồi thường từ dự án 99C Phổ Quang		1,000,000,000
_ Thu tiền phạt, bồi thường	162,900,847	39,003,420
_Thanh lý,nhượng bán tài sản cố định		
_ Thu nhập khác	206,407,871	178,595,736
Cộng	**369,308,718**	**1,217,599,156**

6. Chi phí khác

	Quý III/2013	Quý III/2012
	VND	VND
_Chi thanh lý,nhượng bán tài sản cố định - xe		
_ Chi phí sửa chữa xe		39,739,107
_Chi phí khác	152,714,216	3,321,792
Cộng	**152,714,216**	**43,060,899**

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KD

1/ Thông tin về các bên liên quan

■ Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, Các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn	Cổ đông
2. Công ty TNHH Thép Vinh Đa	Cổ đông

■ Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc

	Quý III/2013	Quý III/2012
Lương Ban TGĐ của Công ty	184,644,000	222,191,233
Lương của các nhân viên chủ chốt của Công ty	248,061,312	306,780,481
Tổng cộng	**432,705,312**	**528,971,714**

2/ Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh theo các hợp đồng thuê. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 01 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ

	Quý III/2013	Quý III/2012
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	787,136,364	682,926,806

3/ Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Quý III/2013	**Quý III/2012**
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3,325,043,801	5,318,055,826
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38,291,917,561	34,680,087,288
Đầu tư dài hạn	5,257,163,112	5,257,163,112
Tổng cộng	**46,874,124,474**	**45,255,306,226**

	Giá trị ghi sổ	
	Quý III/2013	**Quý III/2012**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8,133,486,960	9,000,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	9,900,554,342	9,010,196,567
Chi phí phải trả	3,740,710,054	2,643,198,171
Tổng cộng	**21,774,751,356**	**20,653,394,738**

■ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai

Bảng chi tiết dưới đây trình bày dòng tiền của các tài khoản gốc và tiền lãi, dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi

• Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như:

- Dịch vụ taxi
- Dịch vụ du lịch
- Dịch vụ bảo vệ
- Dịch vụ xuất khẩu lao đồng
- Dịch vụ khác

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/09/2013

ĐVT: Triệu đồng

	Dịch vụ vận chuyển		Dịch vụ du lịch		Dịch vụ bảo vệ		Dịch vụ XKLĐ		Dịch vụ khác		Tổng cộng	
	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này
Dthu											-	-
Từ k/h bên ngoài	24,085	25,102	28,184	21,899	8,917	11,200	80	-	6,076	5,579	67,342	63,780
Giữa các bộ phận	(757)	(1,454)	(302)	(830)	(688)	(660)					(1,747)	(2,944)
Tổng cộng	**23,328**	**23,648**	**27,882**	**21,069**	**8,229**	**10,540**	**80**	**-**	**6,076**	**5,579**	**65,595**	**60,836**
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất											-	-
Chi phí không phân bổ											12,388	7,390
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính											(5,693)	(2,877)
Doanh thu tài chính											1,201	475
Chi phí tài chính											1,199	939
Thu nhập khác											5,000	1,319
Chi phí khác											201	798
Lợi nhuận trước thuế											(892)	(2,820)
Thuế thu nhập doanh nghiệp											63	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại											(455)	(8)
Lợi nhuận sau thuế											**(500)**	**(2,812)**

Tại ngày 01/01/2013	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Tổng
Các khoản vay	2,491,513,040	6,508,486,960	9,000,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	6,341,031,019	3,950,986,307	10,292,017,326
Chi phí phải trả	2,066,268,512		2,066,268,512

Tại ngày 30/09/2013	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Tổng
Các khoản vay	1,625,000,000	6,508,486,960	8,133,486,960
Phải trả người bán và phải trả khác	8,471,379,228		8,471,379,228
Chi phí phải trả	3,740,710,054		3,740,710,054

Ban Tổng giám Đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng giám Đốc tin tưởng rằng tập Đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

4/ Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quang trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chín hợp nhất

5/ Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/07/2013 đến ngày 30/09/2013 được Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 13/11/2013

Hồ chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2013

Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
HUỲNH THANH DIỄM TRANG	DU HỮU DANH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST